

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 978/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31-3-2022

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Minh Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Tâm

2. Ông Trần Đăng Vạn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý: 1580/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định hoãn phiên tòa số 1151/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Tuyết N, sinh năm: 1990

Địa chỉ: 80F N, tổ 1, khu phố T, phường L, thành phố T, TP. H

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1990

Địa chỉ tạm trú: 40C40 N, tổ 4, khu phố C, phường B, thành phố T

Địa chỉ thường trú: 85/A N, tổ 3, khu phố T, phường L, thành phố, TP. H

(Bà Lê Thị Tuyết N có mặt; ông Nguyễn Hữu N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết N trình bày: Bà N và ông N tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân phường L, Quận 9 (nay là thành phố T), Thành phố H cấp giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyền số 01 ngày 03/4/2012.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà N thường phát sinh mâu thuẫn do ông N đánh đập, xúc phạm bà N và gia đình bà N nhiều lần, bà N đã cố gắng chịu đựng nhiều năm nay. Nay bà N không thể nào tiếp tục chung sống với ông N được nữa, vợ chồng đã ly thân 06 tháng nay. Bà N xác định tình cảm vợ chồng hiện nay không còn,

mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

- Bị đơn ông Nguyễn Hữu N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nhung.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết N vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hữu N.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật; Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Xác định đúng người tham gia tố tụng; Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể, về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Tuyết N được ly hôn với ông Nguyễn Hữu N; Về con chung: không có; Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà N nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông N; ông N cư trú tại phường Long Bình, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Hữu N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

Bà N và ông N tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân phường Long Bình, Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyển số 01 ngày 03/4/2012 nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông N là hợp pháp.

Theo lời khai của bà N thì trong quá trình chung sống, vợ chồng bà N thường phát sinh mâu thuẫn do ông N đánh đập, xúc phạm bà N và gia đình bà N nhiều lần, bà N đã cố gắng chịu đựng nhiều năm nay. Nay bà N không thể nào tiếp tục chung sống với ông N được nữa, vợ chồng đã ly thân 06 tháng nay. Bà N xác định tình cảm vợ chồng hiện nay không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

Ông Nguyễn Hữu N không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nhung.

Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình....Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau....*”

Xét quá trình sống chung giữa đôi bên thực tế có xảy ra mâu thuẫn, hiện vợ chồng bà N và ông N không còn tình cảm với nhau, không còn sự quan tâm, chăm sóc nhau, không sống chung với nhau là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà N yêu cầu được ly hôn với ông N là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung: Bà N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Tuyết N được ly hôn với ông Nguyễn Hữu N.

- Về con chung: không có.

- Về tài sản chung: không có.

- Nợ chung: không có.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Tuyết N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được miễn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà N đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0024688 ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị Tuyết N đã nộp đủ án phí.

3. Giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyền số 01 ngày 03/4/2012 do Ủy ban nhân dân phường L, Quận (nay là thành phố T), Thành phố H cấp cho bà Lê Thị Tuyết N và ông Nguyễn Hữu N không còn giá trị pháp lý.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp vắng mặt thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Nơi cấp GCNKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Minh Hiếu

